TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG** Bản án số: 352/2023/DS-PT Ngày: 28/6/2023 V/v tranh chấp "Hợp đồng góp hụi*"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Hữu Tính.
Các Thẩm phán: Ông Võ Thanh Bình.
Bà Nguyễn Thanh Nhàn.

-*Thư ký ghi biên bản phiên toà*: Ông Nguyễn Thanh Phong, Thư ký Tòa án tỉnh Tiền Giang.

-*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Thắm, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21, 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 81/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 03 năm 2023 về việc tranh chấp *"Hợp đồng góp hụi".*

Do bản án dân sự sơ thẩm số 100/2022/DS-ST ngày 05/7/2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 539/2023/QĐXXPT-DS ngày 23/3/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trà Văn T, sinh năm 1962.(có mặt)
Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Trà Văn T: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương - Luật sư - Thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.(có mặt)
2. Bị đơn:
2.1. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1970.(có mặt)
2.2. Bà H ồ Thị H, sinh năm 1973.(có mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
Giang.
3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
3.1. Chị Đoàn Thị Trúc L, sinh năm 1991.(có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
3.2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967.
Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H: Ông Trà văn T, sinh năm 1962. (có mặt).

4. Người làm chứng:

4.1. Bà Nguyễn Thị Minh N, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4.2. Bà Đặng Thị U, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5. Người kháng cáo: Bị đơn bà H ồ Thị H, ông Nguyễn Văn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trà Văn T trình bày:*

Ông có tham gia dây hụi do ông Nguyễn Văn M, bà H ồ Thị H làm chủ hụi. Hụi khui ngày 25/3/2017 (âm lịch), hụi loại 10.000.000 đồng, 06 tháng khui một lần, hụi gồm 13 phần, ông tham gia 01 phần. Ông đã đóng được 07 kỳ với số tiền 70.000.000 đồng. Đến kỳ thứ 8 ông xin hốt hụi thì ông M, bà H không cho ông bỏ thăm và cũng không cho hốt hụi với lý do là con dâu của ông là chị Đoàn Thị Trúc L còn nợ tiền ông M, bà H nên ông M, bà H cấn trừ ngang.

Nay, ông yêu cầu ông M, bà H trả cho ông số tiền 70.000.000 đồng trừ tiền thảo hụi 3.000.000 đồng nên ông M, bà H còn phải trả số tiền 67.000.000 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại đơn phản tố, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn M, bà H ồ Thị H trình bày:*

Vào ngày 25/3/2017 ông M, bà H có tổ chức chơi dây hụi 10.000.000 đồng, 06 tháng khui một lần, hụi gồm 13 phần, ông Trà Văn T tham gia một phần, tiền thảo hụi 3.000.000 đồng. Dây hụi này ông T đã đóng được 07 kỳ, cụ thể như sau:

- Ngày 25/3/2017 (AL) ông T đóng 6.000.000 đồng.

- Ngày 25/9/2017 (AL) ông T đóng 4.010.000 đồng.

- Ngày 25/3/2018 (AL) chị Đoàn Thị Trúc L là con dâu ông T đóng 3.160.000 đồng.

- Ngày 25/9/2018 (AL) chị Đoàn Thị Trúc L đóng 3.100.000 đồng.

- Ngày 25/3/2019 (AL) chị Đoàn Thị Trúc L đóng 3.180.000 đồng.

- Ngày 25/9/2019 (AL) chị Đoàn Thị Trúc L đóng 3.500.000 đồng.

- Ngày 25/3/2020 (AL) chị Đoàn Thị Trúc L đóng 3.620.000 đồng.

Đến ngày 25/9/2020 (AL) ông T xin hốt hụi thì ông M , bà H không cho vì ông T đang thiếu tiền hụi ở dây hụi khui ngày 25/02/2019. Hụi loại 10.000.000 đồng, 04 tháng khui một lần, hụi có 15 phần, ông T tham gia 01 phần, đầu thảo hụi 3.000.000 đồng. Ông T đã hốt hụi ở kỳ khui hụi lần thứ nhất với số tiền 88.000.000 đồng. Bà H đã giao tiền cho ông T nhưng không có biên nhận nhưng có hụi viên chứng kiến. Từ khi hốt hụi đến nay, ông T không đóng hụi chết, ông M , bà H phải đóng hụi chết thay ông T đến ngày 25/10/2020 âm lịch

với số tiền 50.000.000 đồng. Tính đến khi mãn hụi thì ông T còn nợ ông M , bà H số tiền 90.000.000 đồng. Tổng số tiền nợ hụi 140.000.000 đồng.

Do ông T vi phạm hợp đồng góp hụi nên ông M , bà H không cho ông T hốt hụi vào ngày 25/9/2020.

Tổng số tiền ông T đã đóng ở dây hụi khui ngày 25/3/2017 là 26.570.000 đồng. Ông M , bà H đồng ý trả cho ông Trà Văn T số tiền hụi đã đóng 26.570.000 đồng và tự nguyện trả lãi đến ngày xét xử là 20.234.722 đồng. Tổng số tiền ông M , bà H trả cho ông T 46.804.722 đồng.

Dây hụi khui ngày 25/9/2020 (âm lịch), ông M , bà H đã đóng thay cho ông T đến ngày xét xử là 90.000.000 đồng cấn trừ số tiền 46.804.722 đồng. Như vậy, ông T còn thiếu ông M , bà H số tiền 43.195.278 đồng. Ông M , bà H yêu cầu ông T trả số tiền này khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, ông T có nghĩa vụ đóng tiền hụi chết đến khi hụi mãn vào ngày 25/10/2023 (âm lịch) với số tiền 50.000.000 đồng. Ông M , bà H yêu cầu ông Trà Văn T trả số tiền 50.000.000 đồng, trả theo kỳ khui hụi đến khi mãn hụi.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 14/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đoàn Thị Trúc L trình bày:*

Ông Trà Văn T là cha chồng của chị. Bà Hồ Thị H là chủ hụi nhưng giấy hụi ghi tên vợ chồng là bà H và ông M . Chị có tham gia dây hụi khui ngày 25/02/2019 âm lịch, hụi loại 10.000.000 đồng, 04 tháng khui một lần. Tiền thảo hụi 3.000.000 đồng. Hụi này hiện chưa mãn. Chị tham gia một phần với tên Đ + L. Khi hụi mới bắt đầu khui chị đã thấy tên cha mẹ chồng là "Anh chị Tư T" trong giấy hụi nhưng do có mâu thuẫn nên chị không hỏi. Đến khi bỏ thăm hụi lần thứ ba, khi chị và cha mẹ chồng đã hòa thuận, chị có hỏi cha mẹ chồng đã hốt hụi của bà H hả thì cha mẹ chồng trả lời "không biết". Cha mẹ chồng chị có gặp bà H , bà H xin lỗi và hứa sẽ đính chính giấy hụi lại nhưng đến khi cha mẹ chồng chị hốt hụi ở dây hụi khui ngày 25/3/2017 thì bà H không cho hốt nên phát sinh tranh chấp. Bà H đem giấy hụi ngày 25/02/2019 âm lịch kiện cha mẹ chồng của chị. Ở dây hụi này, chị chưa hốt hụi. Từ trước đến nay, chị có nhờ ông Trà Văn T nhận dùm tiền hốt hụi là 80.000.000 đồng và 30 chỉ vàng 24k ở biên nhận ngày 25/02/2019 từ bà H. Ngoài ra, chị không có nhờ ông T chơi dùm chị dây hụi khác hay chị chơi hụi thay ông T. Về nguyên tắc, khi giao nhận tiền hụi thì bà H lập biên nhận. Ở dây hụi khui ngày 25/02/2019 âm lịch, nhìn giấy hụi thì chị biết hụi viên cùng chơi với chị nhưng đi khui hụi thì chỉ có vài người. Dây hụi này, khi bà H giao cho chị đã có sẵn tên 15 hụi viên, ngày khui 25/02/2019, số tiền kêu của anh chị Tư T 3.500.000 đồng, mỗi hụi viên được giao một bản. Dây hụi khui ngày 25/3/2017 âm lịch, hụi loại 10.000.000 đồng, hụi 13 phần, 06 tháng khui một lần, hụi này chị không có tham gia. Chị biết ông T tham gia 01 phần, ông T hốt hụi nhưng bà H không cho. Lúc đó, hụi chết được 07 phần. Lý do không cho hốt thì chị không biết.

** Tại bản tự khai ngày 14/6/2022, bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Vợ chồng bà có tham gia dây hụi khui ngày 25/3/2017 âm lịch, hụi loại 10.000.000 đồng, 06 tháng khui một lần, hụi có 13 phần, vợ chồng bà tham gia

01 phần. Vợ chồng bà góp được 07 kỳ, đến kỳ thứ 08 xin hốt hụi thì bà H không cho. Bà thống nhất yêu cầu khởi kiện của ông Trà Văn T, buộc bà Hồ Thị H, ông Nguyễn Văn M trả số tiền 70.000.000 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với yêu cầu phản tố của bà H, ông M , bà có ý kiến: Vợ chồng bà không có tham gia chơi hụi ở dây hụi khui ngày 25/02/2019, hụi loại 10.000.000 đồng. Khi phát hiện vợ chồng bà có tên trong danh sách hụi với tên "Anh chị Tư T" là do ông M , bà H tự tiện ghi tên vợ chồng bà và bà đã yêu cầu bà H xóa tên trong danh sách thì bà H hứa sẽ sửa. Ông M , bà H cho rằng vợ chồng bà đã hốt hụi là không có căn cứ, vì không có biên nhận. Bà không đồng ý với yêu cầu phản tố của bà H, ông M .

Bản án dân sự sơ thẩm số 100/2023/DS-ST ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang, đã áp dụng: Các Điều 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trà Văn T.

Buộc ông Nguyễn Văn M, bà Hồ Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trà Văn T số tiền 67.000.000 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Bác yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn M, bà Hồ Thị H buộc ông Trà Văn T có nghĩa vụ trả tiền nợ hụi 140.000.000 đồng.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Minh, bà Hồ Thị H có nghĩa vụ chịu số tiền 10.350.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông M , bà H đã tạm nộp số tiền tạm ứng án phí là 2.835.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006320 ngày 05/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Ông M , bà H còn phải nộp số tiền 7.515.000 đồng.

Hoàn lại cho ông Trà Văn T số tiền tạm ứng án phí là 1.750.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006171 ngày 27/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

- Ngày 19 tháng 7 năm 2022, bị đơn bà H , ông M có đơn kháng yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Hồ Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, cung cấp tài liệu chứng cứ mới là lời khai các hụi viên tham gia dây hụi ngày 25/02/2019.

Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông Trà Văn T đưa ra nhiều lập luận khẳng định ông T không có tham gia dây hụi 25/02/2019. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Thị H.

Nguyên đơn ông Trà Văn T đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Thị H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H , sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trà Văn T yêu cầu bà Hồ Thị H, ông Nguyễn Văn M trả 67.000.000 đồng tiền hụi và yêu cầu phản tố của bị đơn bà H , ông M yêu cầu ông T trả số tiền hụi 140.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 là có căn cứ.

[2]. Xét thời hạn kháng cáo: Ngày 05/7/2022 Tòa án nhân dân huyện C ban hành bản án số 100/2022/DS-ST. Ngày 19/7/2022 bị đơn bà H ông M nộp đơn kháng cáo cùng biên lai tạm ứng án phí. Như vậy, kháng cáo của bị đơn còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét.

[3]. Xét nội dung kháng cáo:

[3.1]. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Tỷ: Ông Trà Văn T, bà Hồ Thị H, ông Nguyễn Văn M cùng thừa nhận thống nhất đối với dây hụi 23/5/2017, ông T đã tham gia, số hụi viên, loại hụi và đến kỳ thứ 08 ông T xin hốt hụi thì bà H , ông M không đồng ý với lý do ông T vi phạm nghĩa vụ đóng hụi ở dây hụi khui ngày 25/02/2019. Bà H , ông M đồng ý trả lại cho ông T số tiền hụi đã đóng 26.570.000 đồng và lãi tính đến ngày xét xử là 20.234.722 đồng, ông M , bà H không đồng ý trả số tiền 67.000.000 đồng. Xét thấy, bà H ông M lấy lý do ông T vi phạm nghĩa vụ đóng hụi ở dây hụi khui ngày 25/02/2019 để không cho ông hốt hụi ở dây hụi khui ngày 23/5/2017 trong khi ông T tham gia góp hụi đầy đủ ở dây hụi này là lỗi của ông M , bà H . Đến thời điểm xét xử dây hụi trên đã mãn nên bà H và ông M có nghĩa vụ trả cho ông T 07 phần hụi x 10.000.000 đồng = 70.000.000 đồng, trừ tiền huê hồng còn lại 67.000.000 đồng. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[3.2]. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông M bà H: Ông M , bà H cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu phản tố của mình là giấy hụi

khui ngày 25/02/2019 âm lịch, hụi 15 phần, loại hụi 10.000.000 đồng trên một phần, định kỳ 04 tháng khui hụi một lần, trong đó anh chị Tư T (tức ông Trà Văn T) tham gia 01 phần, số thứ tự 02, số tiền kêu thăm 3.500.000 đồng và trúng hụi được hốt. Mặt khác, tại phiên tòa, bà H thừa nhận bà giao giấy hụi trực tiếp cho chị Đoàn Thị Trúc L là con dâu ông T nhận, ngày giao tiền hụi là ngày 05/3/2019 tức 10 ngày sau khi mở hụi, người hốt hụi lần đầu tiên là ông T, bà H giao tiền cho ông T, chị L đếm tiền nhưng bà H tin tưởng không lập biên nhận. Xét thấy, ông T tuy không thừa nhận việc có tham gia dây hụi khui ngày 25/02/2019, nhưng qua lời khai của các hụi viên Nguyễn Thị Minh N, Nguyễn Thị B, Bạch Thị Hồng P, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Thị Bích T cùng tham gia chung trong dây hụi nêu trên khẳng định ông T có tham gia, ông T là người hốt đầu, nhưng sau khi hốt ông T không đóng lại hụi chết bà H ông M là chủ hụi phải choàng hụi cho ông T nên không cho ông T hốt trong dây hụi khui ngày 23/5/2017. Bà H, ông T và các hụi viên đều thống nhất việc chơi hụi do bà H làm thảo hụi là dựa trên uy tín, tin tưởng nhau, khi giao hụi, đóng hụi đều không có làm biên nhận, đến kỳ khui hụi, hụi viên nào bỏ cao thì được hốt, hụi viên nào hốt hụi rồi không đóng lại chủ hụi phải choàng hụi để giao hụi cho các hụi viên khác được hốt hụi. Như vậy, lời trình bày và chứng cứ bà H , ông M cung cấp phù hợp với lời khai của các hụi viên tham gia trong dây hụi ngày 25/02/2019 khẳng định ông T có tham gia, đã hốt hụi và không đóng lại hụi chết (do ông T khẳng định không tham gia nên không có việc đóng lại hụi sau khi đã hốt). Tính đến thời điểm xét xử ông T nợ 12 kỳ x 10.000.000 đồng = 120.000.000 đồng và ông T còn phải trả cho bà H 02 kỳ hụi x 10.000.000 đồng = 20.000.000 đồng khi đến hạn theo kỳ khui hụi. Do đó, yêu cầu phản tố của bà H à, ông M yêu cầu ông Trà Văn T trả số tiền hụi 140.000.000 đồng là có căn cứ.

[3.4] Từ phân tích nêu trên, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của của bị đơn là chưa xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ. Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của bị đơn nên cần sửa bản án dân sự sơ thẩm, khấu trừ phần tiền hụi ông Trà Văn T nhận được từ ông M bà H vào số tiền ông T có nghĩa vụ trả cho ông M bà H , ông T có nghĩa vụ trả cho bà H ông M 73.000.000 đồng. Phương thức trả như sau, trả 53.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật, tiếp tục trả 10.000.000 đồng vào ngày 25/6/2023 (âm lịch) - ngày dương lịch 11/8/2023; trả 10.000.000 đồng vào ngày 25/10/2023 (âm lịch) - ngày dương lịch 07/12/2023.

[4]. Về án phí sơ thẩm:

[4.1]. Ông Trà Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5% đối với số tiền phải trả cho bà H ông M là 73.000.000 đồng.

[4.2]. Bà Hồ Thị H, ông Nguyễn Văn M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hồ Thị H ông Nguyễn Văn M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn lại tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Thị H, ông Nguyễn Văn M; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 100/2022/DS-ST ngày 05/7/2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Áp dụng Các Điều 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trà Văn T yêu cầu ông Nguyễn Văn M, bà Hồ Thị H liên đới trả cho ông Trà Văn T số tiền hụi là 67.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của ông Nguyễn Văn M, bà Hồ Thị H buộc ông Trà Văn T có nghĩa vụ trả cho ông M bà H số tiền hụi 140.000.000 đồng.

3. Buộc ông Trà Văn T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn M, bà Hồ Thị H số tiền 73.000.000 đồng, phương thức trả như sau:

- Trả 53.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.
- Trả 10.000.000 đồng vào ngày 25/6/2023 (âm lịch) - ngày dương lịch 11/8/2023.
- Trả 10.000.000 đồng vào ngày 25/10/2023 (âm lịch) - ngày dương lịch 07/12/2023.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Trà Văn T phải chịu 3.650.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 1.750.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006171 ngày 27/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên ông T nộp thêm 1.900.000 đồng.

3.2. Ông Nguyễn Văn M, bà Hồ Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông M , bà H số tiền tạm ứng án phí là 2.835.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006320 ngày 05/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn M bà Hồ Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn lại 300.000 đồng án phí dân sự phúc

thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0016477 ngày 19/7/2022 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Công bố bản án CTTĐT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
DSPT-2023-T

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hữu Tính